TOÀ PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 499/2025/HS-PT
Ngày 30 tháng 9 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thuỷ;

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Tám;

Ông Phan Nhựt Bình.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thủy Tiên – Thư ký Toà Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 134/2025/TLPT-HS ngày 06 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo Đỗ Lâm Tấn V và các bị cáo khác; do có kháng cáo của các bị cáo, đại diện bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 131/2025/HS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Bị cáo:

1/. **Đỗ Lâm Tấn V**, sinh năm 2004, tại tỉnh Hậu Giang; địa chỉ thường trú: Ấp M, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là xã P, thành phố Cần Thơ); chỗ ở hiện nay: khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là xã N, tỉnh Đồng Nai); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 4/12; con ông: Đỗ Tấn P, sinh năm 1977 và bà: Lâm Thị N, sinh năm 1982; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ từ ngày 03/6/2022, chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 204/LTG ngày 10/6/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ. (có mặt)

2/. **Hồ Chí B** (tên gọi khác: (L), sinh năm 2001, tại tỉnh Cà Mau; địa chỉ thường trú: Ấp K, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay là xã P, tỉnh Cà Mau); chỗ ở

hiện nay: khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là xã N, tỉnh Đồng Nai); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 5/12; con ông: Hồ Văn L, sinh năm 1980 và bà: Huỳnh Thị N1, sinh năm 1981; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ từ ngày 03/6/2022, chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 208/LTG ngày 10/6/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ. (có mặt)

3/. **Phan Hoàng N2**, sinh năm 2000, tại tỉnh Long An; địa chỉ thường trú: ấp X, xã L, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã R, tỉnh Tây Ninh); chỗ ở hiện nay: khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là xã N, tỉnh Đồng Nai); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 8/12; con ông: Phạm Văn H (đã chết), và bà: Phan Ngọc M, sinh năm 1969; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ từ ngày 03/6/2022, chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 208/LTG ngày 10/6/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ. (có mặt)

4/. **Lê Dĩ K**, sinh năm 2002, tại tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ thường trú: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp); chỗ ở hiện nay: khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là xã N, tỉnh Đồng Nai); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; nghề nghiệp: làm thuê, trình độ học vấn: lớp 9/12; con ông: Lê Văn P1, sinh năm 1972 và bà: Nguyễn Thị Bích P2, sinh năm 1977; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ từ ngày 03/6/2022, chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 205/LTG ngày 10/6/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ, Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ. (có mặt)

5/. **Tô Hoàng L1**, sinh năm 2003, tại tỉnh Hậu Giang; địa chỉ thường trú: Ấp M, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là xã P, thành phố Cần Thơ); chỗ ở hiện nay: khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là xã N, tỉnh Đồng Nai); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 9/12; con ông: Tô Trường P3, sinh năm 1975 và bà: Bùi Thị N3, sinh năm 1979; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ từ ngày 03/6/2022, chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 210/LTG ngày 10/6/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ. (có mặt)

6/. **Nguyễn Tuấn K1**; sinh năm 2002, tại tỉnh Hậu Giang; địa chỉ thường trú: khu V, phường L, thành phố N, tỉnh Hậu Giang (nay là phường N, thành phố Cần Thơ); chỗ ở hiện nay: khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là xã N, tỉnh Đồng Nai); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 7/12; con ông: Nguyễn Nhựt T1, sinh năm 1978 và bà: Bùi Thị Cẩm H1, sinh năm 1982; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ từ ngày 03/6/2022, chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 210/LTG ngày 10/6/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ. (có mặt)

7/. **Nguyễn Thanh L2**, sinh năm 2003, tại tỉnh Đồng Tháp, địa chỉ thường trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp); chỗ ở hiện nay: khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là xã N, tỉnh Đồng Nai); Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: lớp 10/12; con ông: Nguyễn Văn S, sinh năm 1981 và bà: Nguyễn Thị H2, sinh năm 1979, vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ từ ngày 03/6/2022, chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 209/LTG ngày 10/6/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ. (có mặt)

8/. **Nguyễn Văn N4**, sinh năm 2000, tại tỉnh Hậu Giang; địa chỉ thường trú: Ấp M, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là xã P, thành phố Cần Thơ); chỗ ở hiện nay: khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là xã N, tỉnh Đồng Nai); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: làm thuê, trình độ học vấn: lớp 6/12; con ông: Nguyễn Văn K2, sinh năm 1972 và bà: Nguyễn Thị Chín N5, sinh năm 1973; có vợ: Hồ Thị Thanh T2, sinh năm 2001 và 01 người con 2022; tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ từ ngày 03/6/2022, chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 212/LTG ngày 10/6/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ. (có mặt)

9/. **Trương Minh T3**, sinh năm 1993, tại tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ thường trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp); chỗ ở hiện nay: khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là xã N, tỉnh Đồng Nai); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 8/12; con ông: Trương Minh Đ (chết), sinh năm 1966 và bà: Lê Thị L3, sinh năm 1969; có vợ: Nguyễn Hằng N6, sinh năm 1996 và 01 người con 2019, tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ từ ngày 03/6/2022, chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 206/LTG ngày 10/6/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ. (có mặt)

10/. **Trần Thanh B1**, sinh năm 1975, tại tỉnh Hậu Giang; địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là xã N, tỉnh Đồng Nai); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: lớp 12/12; con ông: Trần Văn D, sinh năm 1952 và bà: Nguyễn Thị T4 (đã chết); có vợ: Dương Bích T5, sinh năm 1976 và 02 người con; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giữ ngày 03/6/2022 đến ngày 12/6/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. (vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên tòa)

11/. **Dương Bích T5**, sinh năm 1976, tại tỉnh Đồng Nai; địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là xã N, tỉnh Đồng Nai); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: kinh doanh, trình độ học vấn: lớp 12/12; con ông: Dương Văn Đ1, sinh năm 1937 và bà: Nguyễn Thị T6, sinh năm 1940, có chồng: Trần Thanh B1, sinh năm 1975 và 02 người con; tiền án, tiền sự: không. Hiện đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

12/. **Trần Anh Đ2**, sinh năm 2004, tại tỉnh Bình Thuận; địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn S, xã S, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là xã S, tỉnh Lâm Đồng); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 6/12; con ông: Trần Đức T7, sinh năm 1967 và bà: Nguyễn Thị H3, sinh năm 1968; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Hiện đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. (vắng mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo:

1/. Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Lâm Tấn V, Hồ Chí B, Phan Hoàng N2, Lê Dĩ K, Tô Hoàng L1: Luật sư Trịnh Bá T8 – Đoàn Luật sư Thành phố H. (có mặt)

2/. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tuấn K1, Nguyễn Thanh L2, Nguyễn Văn N4, Trương Minh T3: Luật sư Nguyễn Thanh Bảo D1 – Đoàn Luật sư Thành phố H. (có mặt)

* ***Bị hại:***

1/. Anh Võ Văn L4; sinh năm 1990 (đã chết).

Đại diện hợp pháp của anh Võ Văn L4 là bà Nguyễn Thị L5, sinh năm 1961 (mẹ anh L4); địa chỉ: thôn H, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên và chị Lê Thị Q, sinh năm 1993 (vợ anh L4); địa chỉ xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã L, tỉnh Quảng Ngãi).

Bà Nguyễn Thị L6 và chị Lê Thị Q ủy quyền cho chị Võ Thị T9, sinh năm 1986; địa chỉ: A đường Q, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đại diện bị hại Võ Văn L4: Luật sư Trần Hải B2 – Đoàn Luật sư Thành phố H. (có mặt)

2/. Anh Cao Xuân Đ3, sinh năm 1983; nơi ĐKNKTT: thôn M, xã X, huyện M, tỉnh Quảng Bình, nơi ở hiện nay: D đường C, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

(Trong vụ án, có 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan tới kháng cáo nên Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 02/06/2022, anh Võ Văn L4, sinh năm 1990, hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên cùng với 05 người bạn là anh Lê Bá L7, sinh năm 1989, hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; anh Trần Văn Q1, sinh năm 1979, hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình; anh Cao Xuân Đ3, sinh năm 1983, hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã X, huyện M, tỉnh Quảng Bình; anh Trương Văn Đ4, sinh năm 1981, hộ khẩu thường trú: K, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; anh Nguyễn Văn P4, sinh năm 1983, hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa đến hát karaoke tại phòng số 12 quán K3 thuộc địa chỉ khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai, do vợ chồng Trần Thanh B1, sinh năm 1975 và Dương Bích T5, sinh năm 1976 làm chủ quán.

Trong khi hát Karaoke nhóm anh L4 có gọi 06 nhân viên nữ vào phục vụ gồm: Chị Võ Thị H4, sinh ngày 11/3/2006, hộ khẩu thường trú: ấp T, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau; Lê Nguyễn Bảo T10, sinh năm 2003, hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre; Mai Thị Phương L8, sinh năm 1999, hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; N7 (là dân tộc Ba Na), sinh năm 1998. Hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Đinh Thị N8, sinh năm 1997, Hộ khẩu thường trú: Thôn E, xã Đ, K, tỉnh Gia Lai và Trần Thị T11, sinh năm: 2000, hộ khẩu thường trú: phường P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Quá trình hát Karaoke, khi anh Đ4 đang hát thì chị H4 bấm qua bài nên nhóm anh L4 xảy ra mâu thuẫn cãi nhau với chị H4. Nghe cãi nhau, Hồ Chí B (tên thường gọi là Long L9, bạn trai của chị H4), sinh năm 2001, hộ khẩu thường trú: ấp K, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau vào nói chuyện với nhóm của anh L4. B hỏi "Sao lại chửi tiếp viên như vậy?" thì nhóm của anh L4 chửi B nên B bực tức đi ra ngoài kể lại sự việc bị nhóm của anh L4 chửi và rủ các đối tượng Phan Hoàng N2, Đỗ Lâm Tấn V, Nguyễn Tuấn K1, Lê Dĩ K, Nguyễn Thanh L2, Trương Minh T3, Tô Hoàng L1, Nguyễn Văn N4 đánh dằn mặt nhóm anh L4, thì tất cả đồng ý. Sau đó, N2 lấy 01 gậy bóng chày ở bên trái cổng quán, K1 lấy 01 gậy bóng chày ở trong kho, 02 gậy bóng chày lấy ở khu vực quầy bán cà phê mang ra đưa cho B và L2 mỗi người một gậy. K lấy một đoạn cây tre dài 60cm ở chậu kiểng trong quán; L1 lấy 01 đoạn cây gỗ dài 70cm ở bãi cỏ trước quán; N4 lấy một đoạn cây gỗ tròn dài 50cm cạnh bờ tường nơi bán cà phê của quán. V lấy 01 chiếc rìu sắt tự chế dài khoảng 60 cm, cán tròn làm bằng kim loại, một đầu rìu bằng lưỡi để chặt, một đầu vuông để đóng đinh ở trong nhà kho của quán để đánh dằn mặt nhóm của anh L4.

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 03/6/2022, nhóm anh L4 thanh toán tiền đi về. Khi anh Trương Văn Đ4, anh Lê Bá L7, anh Trần Văn Q1 và anh Cao Xuân Đ3 đi ra về đến khu vực cổng quán Karaoke thì bị B cầm gậy bóng chày, L2 cầm gậy bóng chày, N2 cầm gậy bóng chày, L1 cầm đoạn cây gỗ, V cầm chiếc rìu sắt, N4 cầm đoạn cây gỗ tròn, K cầm đoạn cây tre đuổi đánh nên nhóm anh L4 bỏ chạy. Anh Trương Văn Đ4 bị B và L2 dùng gậy bóng chày đánh trúng 3 cái vào tay nhưng không gây thương tích, anh Lê Bá L7 và anh Trần Văn Q1 bỏ chạy được nên không bị đánh, riêng anh Cao Xuân Đ3 bị V dùng chiếc rìu sắt đánh trúng

vào lưng 05 cái gây thương tích, anh Đ3 bỏ chạy thì N2 đuổi theo dùng gậy bóng chày đánh trúng vào lưng của anh Đ3 02 cái gây thương tích. Lúc này, N4 dùng 01 đoạn cây gỗ tròn đánh trúng lưng của anh Đ3 01 cái gây thương tích. Anh Đ3 bỏ chạy thì bị N2, N4 đuổi theo. N2 dùng gậy bóng chày đánh tiếp 02 cái vào lưng anh Đ3, anh Đ3 van xin thì cả hai không đánh nữa và đi bộ quay vào quán. Thấy nhóm B đánh nhóm anh L4 thì Trương Minh T3 không cầm hung khí chạy từ trong quán chạy ra cổng để giúp sức đánh nhóm anh L4 nhưng thấy nhóm anh L4 bỏ chạy nên quay lại vào trong quán.

Khi N4 và N2 đuổi đánh anh Đ3 thì Đỗ Lâm Tấn V cầm chiếc rìu sắt chạy vào hướng khu vực nhà để xe mô tô của quán Karaoke Thanh V1 thấy Nguyễn Tuấn K1 đang dùng gậy bóng chày đánh nhau với anh Nguyễn Văn P4 và anh Võ Văn L4. Lúc này, Nguyễn Tuấn K1 bị anh L4 dùng tay kẹp cổ thì Đỗ Lâm Tấn V cầm chiếc rìu sắt chạy đến phía sau đánh một cái trúng vào đầu của anh L4 làm anh L4 ngã gục xuống nền nhà bất tỉnh. Lúc này, Lê Dĩ K cũng cầm một đoạn cây tre chạy vào tham gia đánh nhau nhưng thấy anh L4 bị V đánh trúng vào đầu bất tỉnh nên dừng lại không đánh nữa. Nguyễn Văn N4, Trương Minh T3 vừa chạy từ cổng vào để giúp sức đánh nhóm anh L4 thì thấy anh L4 đang nằm bất tỉnh tại nhà để xe mô tô, có vết thương ở đầu chảy nhiều máu nên cũng dừng lại. Sau đó, T3, B, L2 cùng nhau điều khiển xe mô tô chở anh L4 đến Bệnh viện Đ5 để cấp cứu nhưng do thương tích nặng nên anh L4 đã tử vong.

Sau khi xảy ra sự việc, Trần Thanh B1 là chủ quán K3 đã chỉ đạo K1 và Trần Anh Đ2 sử dụng vòi nước xịt rửa xóa dấu vết máu, sau đó đi cùng con gái Trần Dương Thanh V1 đến Bệnh viện Đ5 xem thương tích của anh L4. Đến khoảng 03 giờ ngày 03/6/2022, biết anh L4 đã tử vong nên B1 đã cùng với V1 tập trung toàn bộ nhân viên của quán gồm: Đỗ Lâm Tấn V, Trương Minh T3, Lê Dĩ K, Nguyễn Tuấn K1, Tô Hoàng L1, Trần Anh Đ2, Nguyễn Vũ Trường G tập trung tại phòng hát Vip 6 của quán để họp. Tại cuộc họp B1 và V1 thông báo cho tất cả các nhân viên là anh L4 - người bị V dùng búa đánh bị thương ở đầu đã tử vong tại bệnh viện, yêu cầu các nhân viên không được nói cho ai biết sự việc trên, khi được cơ quan công an mời làm việc thì khai báo rằng không biết, không liên quan đến sự việc và khai là khi thấy anh L4 bị thương nằm trước cổng quán nên Thanh quản L10 đã đưa đi cấp cứu, còn Dương Bích T5 (là vợ Trần Thanh B1) đã gọi điện cho anh Trần Minh T12, sinh năm 1984, hộ khẩu thường trú: ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai xóa dữ liệu Camera của quán K3 nhằm mục đích để che giấu hành vi phạm tội của nhân viên quán, gây khó khăn cho Cơ quan Công an trong quá trình điều tra vụ án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 131/2025/HS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

Về hình phạt: Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm d khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật hình sự. Áp dụng thêm Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo N2, L1, N4, K1, L2, K, T3 và áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo N4, K1, L2, K, T3.

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Lâm Tấn V, Hồ Chí B, Tô Hoàng L1, Trương Minh T3, Nguyễn Văn N4, Nguyễn Thanh L2, Lê Dĩ K, Nguyễn Tuấn K1, Phan Hoàng N2 phạm tội "Giết người" và tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại khoản 1 Điều 123 và khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Xử phạt:

- Bị cáo Đỗ Lâm Tấn V 19 (mười chín) năm tù về tội "Giết người" và 3 (ba) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 22 (hai mươi hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2022.

- Bị cáo Hồ Chí B: 17 (mười bảy) năm tù về tội "Giết người" và 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 19 năm 06 tháng (mười chín năm sáu tháng) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2022.

- Bị cáo Phan Hoàng N2: 15 (mười lăm) năm tù về tội "Giết người" và 02 (hai) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 17 (mười bảy) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2022.

- Bị cáo Nguyễn Văn N4: 15 (mười lăm) năm tù về tội "Giết người" và 02 (hai) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2022.

- Bị cáo Nguyễn Thanh L2: 14 (mười bốn) năm tù về tội "Giết người" và 02 (hai) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2022.

- Bị cáo Nguyễn Tuấn K1: 14 (mười bốn) năm tù về tội "Giết người" và 02 (hai) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2022.

- Bị cáo Tô Hoàng L1: 13 (mười ba) năm tù về tội "Giết người" và 02 (hai) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2022.

- Bị cáo Lê Dĩ K: 13 (mười ba) năm tù về tội "Giết người" và 02 (hai) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2022.

- Bị cáo Trương Minh T3: 12 (mười hai) năm tù về tội "Giết người" và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2022.

* Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 389, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuyên bố các bị cáo Trần Thanh B1, Dương Bích T13 và Trần Anh Đ2 phạm tội "Che giấu tội phạm". Bị cáo Đ2 không được áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Thanh B1 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại để chấp hành án.

Thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/6/2022 đến ngày 12/6/2022 được trừ vào thời gian phải chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Dương Bích T5 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại để chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Trần Anh Đ2 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại để chấp hành án.

2/. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 591 Bộ luật Dân sự:

* Về trách nhiệm bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại anh Võ Văn L4 là bà Nguyễn Thị L5 (mẹ bị hại) và chị Lê Thị Q (vợ bị hại), các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường như sau:

- Đỗ Lâm Tấn V bồi thường số tiền 72.000.000 đồng.

- Hồ Chí Bảo bồi thường số tiền 72.000.000 đồng.

- Phan Hoàng N2: 33.700.000 đồng.

- Tô Hoàng L1: 33.700.000 đồng.

- Lê Dĩ K bồi thường tiếp số tiền 10.700.000 đồng.

- Nguyễn Tuấn K1 bồi thường tiếp số tiền 3.700.000 đồng.

- Nguyễn Thanh L2 bồi thường tiếp số tiền 3.700.000 đồng.

- Nguyễn Văn N4 bồi thường tiếp số tiền 10.700.000 đồng

- Trương Minh T3 còn phải bồi thường tiếp số tiền 15.700.000 đồng.

* Các bị cáo phải bồi thường cho anh Cao Xuân Đ3 như sau:

1/. Đỗ Lâm Tấn V: 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

2/. Hồ Chí Bảo: 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

3/. Phan Hoàng N2: 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

4/. Lê Dĩ K (Đã nộp xong).

5/. Tô Hoàng L1: 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

6/. Nguyễn Tuấn K1 (Đã nộp xong).

7/. Nguyễn Thanh L2 (Đã nộp xong).

8/. Nguyễn Văn N4 (Đã nộp xong).

9/. Trương Minh T3 (Đã nộp xong).

* Về cấp dưỡng nuôi con bị hại anh Võ Văn L4:

- Buộc các bị cáo Đỗ Lâm Tấn V và Hồ Chí B phải có trách nhiệm trợ cấp nuôi con bị hại là cháu Võ Phương Tuệ A sinh ngày 15/04/2021 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) và có khả năng lao động, mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000

đồng. Thời điểm cấp dưỡng từ ngày 02/6/2022. (Mỗi bị cáo phải cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng).

- Buộc các bị cáo Tô Hoàng L1, Trương Minh T3, Nguyễn Văn N4, Nguyễn Thanh L2, Lê Dĩ K, Nguyễn Tuấn K1, Phan Hoàng N2 phải có trách nhiệm trợ cấp nuôi con bị hại là cháu Võ Giang Tuệ M1 sinh ngày 17/7/2017 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) và có khả năng lao động mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.100.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 02/6/2022. (Mỗi bị cáo phải có trách nhiệm cấp dưỡng là 300.000 đồng/tháng).

Mức lương vùng tối thiểu tại huyện P, tỉnh Phú Yên hiện nay là 3.450.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo quy định pháp luật.

Ngày 02/7/2025, bị cáo Nguyễn Thanh L2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 07/7/2025, các bị cáo Đỗ Lâm Tuấn V2, Hồ Chí B, Trương Minh T3, Lê Dĩ K, Nguyễn Tuấn K1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 08/7/2025, bị cáo Nguyễn Văn N4 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 10/7/2025, đại diện bị hại bà Võ Thị T9 có đơn kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo Trần Thanh B1, Dương Bích T5, đề nghị buộc bị cáo B1 và T5 phải bồi thường thiệt hại cho bị hại; đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Hồ Chí B, Phạm Hoàng N9, Lê Dĩ K, Tô Hoàng L1, Nguyễn Tuấn K1, Nguyễn Thanh L2, Nguyễn Văn N4, Trương Minh T3.

Ngày 11/7/2025, bị cáo Tô Hoàng L1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 12/7/2025, bị cáo Trần Thanh B1, Dương Bích T5 có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đại diện bị hại bà Võ Thị T9 kháng cáo bổ sung, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đỗ Lâm Tấn V.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Đại diện bị hại và các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để xem xét. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đại diện bị hại xác nhận sau khi xét xử sơ thẩm gia đình các bị cáo đã khắc phục xong phần trách nhiệm dân sự; tuy nhiên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của đại diện bị hại và các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Trịnh Bá T8 bào chữa cho các bị cáo V, B, N9, K, L1 trình bày: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo đã tác động

gia đình khắc phục toàn bộ hậu quả, được gia đình bị hại thừa nhận và xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đây là tình tiết mới, áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét, giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

Luật sư Nguyễn Thanh Bảo D1 bào chữa cho các bị cáo K1, L2, N4, T3 trình bày: Các bị cáo đã tác động gia đình khắc phục toàn bộ hậu quả, được gia đình bị hại thừa nhận và xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đây là tình tiết mới, áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét, giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

Luật sư Đỗ Hải B3 bảo vệ quyền lợi cho đại diện bị hại trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vai trò chủ mưu của bị cáo Trần Thanh B1; hoàn cảnh xảy ra vụ án là lúc thanh toán tại quầy với trực tiếp với ông B1; ông B1 phát lệnh các bị cáo mới ra đánh nhau. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi của ông B1 và bà T5 là chủ mưu tội Giết người đối vụ án này; mức án áp dụng cho B1, T13 là chưa phù hợp. Đối với các bị cáo V, B, L1, T3, N4, L2, K, K1, N9 đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, giữ mức hình phạt như cấp sơ thẩm lần thứ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của các bị cáo và đại diện bị hại làm trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị hại bà Võ Thị T9 bổ sung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đỗ Lâm Tấn V. Việc bổ sung kháng cáo của bị hại không gây bất lợi cho bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 03/6/2022, tại quán K3, địa chỉ: khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai, do mâu thuẫn trong quá trình hát Karaoke giữa nhóm anh Võ Văn L4, anh Lê Bá L7, anh Trần Văn Q1, anh Cao Xuân Đ3, anh Trương Văn Đ4, anh Nguyễn Văn P4 với chị Võ Thị H4 nên Hồ Chí B là nhân viên của quán rủ Đỗ Lâm Tấn V, Phan Hoàng N2, Nguyễn Tuấn K1, Lê Dĩ K, Nguyễn Thanh L2, Trương Minh T3, Tô Hoàng L1, Nguyễn Văn N4 đánh dằn mặt nhóm anh L4; được tất cả đồng ý. Lúc này, B đã có lời nói kích động tinh thần của các bị cáo khác; chỉ cho bị cáo L2, K1 đi chuẩn bị hung khí; các bị cáo B, L2, K1 đi lấy gậy bóng chày bằng sắt, còn các bị cáo K lấy đoạn cây tre, N4 lấy cây gỗ, V lấy cây rìu sắt… đều là hung khí nguy hiểm. Khi nhìn thấy nhóm bị hại đi ra thì nhóm bị cáo đồng loạt rượt đánh nhóm bị hại. Trong đó, bị cáo V sử

dụng rìu sắt đánh 05 cái liên tiếp vào lưng anh Đ3 gây thương tích cho anh Đ3 12%; sau đó bị cáo V tiếp tục cầm rìu chạy vào khu vực nhà để xe để hỗ trợ các đồng phạm Nguyễn Tuấn K1, Lê Dĩ K đang đánh nhau với các anh Nguyễn Văn P4 và anh Võ Văn L4, bị cáo V dùng rìu đánh vào đầu anh L4, hậu quả làm anh L4 tử vong. Khi thấy nhóm của B đánh nhóm anh L4 thì Nguyễn Văn N4, Tô Hoàng L1 và Trương Minh T3 cũng chạy ra giúp sức để đánh nhóm của anh L4.

Sau khi xảy ra sự việc, Trần Thanh B1 là chủ quán K3 và con gái là Trần Dương Thanh V1 đã họp yêu cầu Đỗ Lâm Tấn V, Trương Minh T3, Lê Dĩ K, Nguyễn Tuấn K1, Tô Hoàng L1, Trần Anh Đ2 khai báo không biết, không tham gia đánh anh L4 và yêu cầu Trần Anh Đ2, Nguyễn Tuấn K1 tẩy rửa vết máu nơi anh Võ Văn L4 chết nhằm xóa dấu vết hiện trường. Đồng thời Trần Thanh B1 hướng dẫn nhân viên khai báo gian dối rằng phát hiện anh L4 bị thương tích nằm ở ngoài cổng nên đưa đi cấp cứu. Dương Bích T5 (vợ Trần Thanh B1) gọi điện cho anh Trần Minh T12 để xóa dữ liệu Camera của quán K3 với mục đích để che giấu việc các bị cáo đánh chết anh L4 gây khó khăn cho công tác điều tra.

Với hành vi nêu trên, Toà án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Đỗ Lâm Tấn V, Hồ Chí B, Tô Hoàng L1, Trương Minh T3, Nguyễn Văn N4, Nguyễn Thanh L2, Lê Dĩ K, Nguyễn Tuấn K1, Phan Hoàng N2 về tội *"Giết người"* và tội *"Cố ý gây thương tích"* quy định tại khoản 1 Điều 123 và khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự; xét xử các bị cáo Trần Thanh B1, Trần Dương Thanh V1, Dương Bích T5 và Trần Anh Đ2 về tội *"Che giấu tội phạm"* quy định tại khoản 1 Điều 389 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của các bị cáo Đỗ Lâm Tấn V, Hồ Chí B, Phan Hoàng N2, Lê Dĩ K, Tô Hoàng L1, Nguyễn Tuấn K1, Nguyễn Thanh L2, Nguyễn Văn N4, Trương Minh T14 và đại diện bị hại bà Võ Thị T9 về việc giảm nhẹ hình phạt đối với 09 bị cáo:

[2.2.1] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tính mạng, sức khoẻ của người bị hại, gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ mà các bị cáo dùng hung khí nguy hiểm, tấn công tập thể dẫn đến 01 bị hại chết, 01 bị hại thương tích 12% thể hiện sự côn đồ, coi thường pháp luật. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[2.2.2] Trong vụ án này, bị cáo Đỗ Lâm Tấn V là người có vai trò chính, sử dụng búa đánh vào lưng bị hại Đáng gây thương tích và đánh vào đầu bị hại L4 dẫn đến tử vong. Tòa án cấp sơ thẩm xem xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; từ đó áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đỗ Lâm Tấn V 19 năm tù về tội "Giết người", 03 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị hại kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo V, đồng thời xác định bị cáo V đã tác động gia đình

khắc phục toàn bộ hậu quả cho gia đình bị hại, thể hiện sự an năn, hối cải về hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy cần giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo an tâm cải tạo tốt, trở thành công dân có ích cho xã hội.

[2.2.3] Đối với bị cáo Hồ Chí B là người khởi xướng việc đánh nhóm bị hại, chỉ đạo các bị cáo khác chuẩn bị hung khí, đóng cổng không cho nhóm bị hại chạy thoát dẫn đến việc bị cáo V sử dụng hung khí tấn công gây thương tích cho bị hại Đ3 và tử vong cho bị hại L4 như trên. Tòa án cấp sơ thẩm xem xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; từ đó áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo 17 năm tù về tội "Giết người", 02 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, đại diện bị hại bà Võ Thị T9 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, trong đó xác định sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Hồ Chí B đã tác động gia đình bồi thường thêm cho gia đình bị hại 72.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[2.2.4] Bị cáo Nguyễn Thành L11 là đồng phạm giúp sức, lấy hung khí cho đồng phạm. Bị cáo Nguyễn Văn N4 dùng cây gỗ đánh trúng lưng anh Cao Xuân Đ3 01 cái; bị cáo Phan Hoàng N2 dùng gậy bóng chày đánh trúng lưng anh Cao Xuân Đ3 02 cái; bị cáo Nguyễn Tuấn K1 dùng gậy đánh bóng chày đánh nhau với anh Nguyễn Văn P4 và anh Võ Văn L4; các bị cáo đều là đồng phạm giúp sức tích cực cho bị cáo Đỗ Lâm Tuấn V2 và Hồ Chí B. Bị cáo Lê Dĩ K cầm cây tre tham gia đánh nhau, không đánh trúng ai; bị cáo Trương Minh T3 thấy nhóm B đánh nhóm anh L4 thì cũng chạy ra sân rượt đuổi giúp sức đánh nhóm anh L4; bị cáo Tô Hoàng L1 đang ngủ thấy khách cãi nhau thì lấy một khúc cây chạy vào để đánh 03 người đàn ông đang gây lộn trong quán, do thấy bị hại bị V2 đánh ngã xuống nên dừng lại; các bị cáo là đồng phạm giúp sức, hỗ trợ về tinh thần để các bị cáo khác tấn công các bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo mức hình phạt từ 12 đến 15 năm tù về tội "Giết người", 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" là trong khung hình phạt, đúng quy định pháp luật.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy vai trò của các bị cáo trong vụ án có phần hạn chế hơn so với bị cáo V2 và B, trong đó các bị cáo Lê Dĩ K, Trương Minh T3, Tô Hoàng L1 chưa có hành vi tác động trực tiếp đến các bị hại, chỉ hùa vào hỗ trợ về tinh thần. Các bị cáo Phan Hoàng N2, Tô Hoàng L1, Nguyễn Tuấn K1, Lê Dĩ K, Nguyễn Thanh L2, Nguyễn Văn N4, Trương Minh T3 đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo N4 có hoàn cảnh khó khăn; bị cáo L2, bị cáo K1 có thân nhân có công với cách mạng; quá trình giải quyết vụ án, gia đình bị cáo K1, bị cáo L2 đã bồi thường cho đại diện bị hại 30.000.000 đồng, gia đình bị cáo T3 đã bồi thường 20.000.000 đồng; gia đình bị cáo N4, bị cáo K đã bồi thường 25.000.000 đồng. Đánh giá vai trò của các bị cáo và xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã

nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với các bị cáo là có phần nghiêm khắc. Mặt khác, sau khi xét xử sơ thẩm đại diện bị hại bà Võ Thị T9 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; trong đó xác định sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo L2, N4, T3, K, K1, N2, L1 đã tác động gia đình hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ bồi thường cho gia đình bị hại Luận theo quyết định bản án sơ thẩm; thể hiện sự ăn năn, hối cải của các bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và đại diện bị hại, giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt về tội "Giết người" để các bị cáo an tâm cải tạo tốt, trở thành công dân có ích cho xã hội.

[2.3] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Thanh B1, Dương Bích T5, Trần Anh Đ2 và đại diện bị hại bà Võ Thị T9 đối với các bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; các bị cáo biết rõ việc Dỗ Lâm Tấn V và các bị cáo khác dùng hung khí nguy hiểm tấn công gây thương tích, tử vong cho các bị hại, là hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng nhưng lại cố tình xóa dấu vết hiện trường, dữ liệu để che giấu hành vi phạm tội của bị cáo V và các bị cáo khác; gây ảnh hưởng đến quá trình điều tra, giải quyết vụ án; xâm phạm hoạt động tư pháp của Nhà nước. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt phù hợp, tương xứng để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá bị cáo Trần Thanh B1 đóng vai trò chính, chỉ đạo nhân viên thực hiện các hoạt động xóa dấu vết hiện trường; bị cáo Dương Bích T5 đóng vai trò hỗ trợ; bị cáo Trần Anh Đ2 là nhân viên, thực hiện theo sự chỉ đạo của bị cáo B1. Đồng thời xem xét các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Trần Thanh B1, Dương Bích T5 tự nguyện nộp tiền hỗ trợ cho bị hại; từ đó xử phạt bị cáo Trần Thanh B1 03 năm tù, bị cáo T5 02 năm tù và bị cáo Đ2 01 năm tù là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét. Kháng cáo của các bị cáo đề nghị xin giảm hình phạt, được hưởng án treo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, sau khi xét xử sơ thẩm đại diện bị hại bà Võ Thị T9 kháng cáo đề nghị xem xét lại tội danh, hình phạt và mức bồi thường thiệt hại đối với bị cáo Trần Thanh B1, Dương Bích T5. Hội đồng xét xử xét thấy, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án không thể hiện bị cáo Trần Thanh B1, Dương Bích T5 tham gia vào việc các bị cáo tấn công bị hại, dẫn đến thương tích và tử vong như trên. Vì vậy, không có cơ sở để xử lý các bị cáo B1, T5 về tội "Giết người". Do các bị cáo B1, T5 bị xét xử về tội "Che giấu tội phạm", khách thể bị xâm phạm là hoạt động đúng đắn của các cơ quan tố tụng hình sự nên đại diện bị hại bà Võ Thị T9 không có quyền kháng cáo về hình phạt cũng như buộc các bị cáo phải bồi thường cho gia đình bà T9. Kháng cáo của bà T9 đối với các bị cáo B1, T5 không có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thanh B1, Dương Bích T5, Trần Anh Đ2 và một phần kháng cáo của đại diện bị hại bà Võ Thị T9 đối với bị cáo Trần Thanh B1, Dương Bích T5; có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Lâm Tuấn V2, Hồ Chí B, Phan Hoàng N2, Lê Dĩ K, Tô Hoàng L1, Nguyễn Tuấn K1, Nguyễn Thanh L2, Nguyễn Văn N4, Trương Minh T3 và một phần kháng cáo của đại diện bị hại bà Võ Thị T9, sửa một phần bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo V2, B, N2, K, L1, K1, L2, N4, T3.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Trần Thanh B1, Dương Bích T5, Trần Anh Đ2 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Đỗ Lâm Tuấn V2, Hồ Chí B, Phan Hoàng N2, Lê Dĩ K, Tô Hoàng L1, Nguyễn Tuấn K1, Nguyễn Thanh L2, Nguyễn Văn N4, Trương Minh T3 không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thanh B1, Dương Bích T5, Trần Anh Đ2 và một phần kháng cáo của đại diện bị hại bà Võ Thị T9 đối với bị cáo Trần Thanh B1, Dương Bích T5.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Lâm Tuấn V2, Hồ Chí B, Phan Hoàng N2, Lê Dĩ K, Tô Hoàng L1, Nguyễn Tuấn K1, Nguyễn Thanh L2, Nguyễn Văn N4, Trương Minh T3 và một phần kháng cáo của đại diện bị hại bà Võ Thị T9.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 131/2025/HS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai về hình phạt đối với các bị cáo Đỗ Lâm Tuấn V2, Hồ Chí B, Phan Hoàng N2, Lê Dĩ K, Tô Hoàng L1, Nguyễn Tuấn K1, Nguyễn Thanh L2, Nguyễn Văn N4, Trương Minh T3.

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Lâm Tấn V, Hồ Chí B, Tô Hoàng L1, Trương Minh T3, Nguyễn Văn N4, Nguyễn Thanh L2, Lê Dĩ K, Nguyễn Tuấn K1, Phan Hoàng N2 phạm tội "Giết người" và tội "Cố ý gây thương tích"; các bị cáo Trần Thanh B1, Dương Bích T13 và Trần Anh Đ2 phạm tội "Che giấu tội phạm".

1/. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm d khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự.

1.1/. Xử phạt bị cáo Đỗ Lâm Tấn V 18 (mười tám) năm tù về tội "Giết người" và 03 (ba) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích". Buộc bị cáo phải chấp hành hình

phạt chung của hai tội là 21 (hai mươi mốt) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2022.

1.2/. Xử phạt bị cáo Hồ Chí B 16 (mười sáu) năm tù về tội "Giết người" và 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 18 (mười tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2022.

1.3/. Xử phạt bị cáo Phan Hoàng N2 14 (mười bốn) năm tù về tội "Giết người" và 02 (hai) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2022.

1.4/. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N4 14 (mười bốn) năm tù về tội "Giết người" và 02 (hai) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2022.

1.5/. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L2 13 (mười ba) năm tù về tội "Giết người" và 02 (hai) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2022.

1.6/. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn K1 13 (mười ba) năm tù về tội "Giết người" và 02 (hai) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 15 (mười lăm) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2022.

1.7/. Xử phạt bị cáo Tô Hoàng L1 12 (mười hai) năm tù về tội "Giết người" và 02 (hai) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2022.

1.8/. Xử phạt bị cáo Lê Dĩ K 12 (mười hai) năm tù về tội "Giết người" và 02 (hai) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 14 (mười bốn) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2022.

2/. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm d khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Minh T3 11 (mười một) năm tù về tội "Giết người" và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2022.

3/. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 389; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

3.1/. Xử phạt bị cáo Trần Thanh B1 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. (Thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/6/2022 đến ngày 12/6/2022 được trừ vào thời gian phải chấp hành án)

3.2/. Xử phạt bị cáo Dương Bích T5 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

4/. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Anh Đ2 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

5/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6/. Án phí hình sự phúc thẩm:

Các bị cáo Trần Thanh B1, Dương Bích T5, Trần Anh Đ2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Đỗ Lâm Tuấn V2, Hồ Chí B, Phan Hoàng N2, Lê Dĩ K, Tô Hoàng L1, Nguyễn Tuấn K1, Nguyễn Thanh L2, Nguyễn Văn N4, Trương Minh T3 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

7/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Thành viên Hội đồng xét xử		**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
Cao Văn Tám	**Phan Nhựt Bình**	**Trần Thị Thu Thuỷ**